

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F.17
Số 58B Đường Hai tháng tư, phường Bắc Nha Trang, Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**CÔNG TY CỔ
PHẦN NHA
TRANG
SEAFOODS -
F17**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
NHA TRANG SEAFOODS - F17
DN: C=VN, L=KHÁNH HÒA, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
4200567428,
E=NHATRANGSEAFOODS@NHATRANG
SEAFOODS.VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-01-20 17:14:47
Foxit Reader Version: 9.7.1

Nha Trang, tháng 01 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		558,974,833,590	672,942,209,961
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	178,282,427,315	195,207,186,699
1. Tiền	111		178,282,427,315	180,503,186,699
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	14,704,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21,200,000,000	21,200,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	21,200,000,000	21,200,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		243,863,110,378	343,137,583,144
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	220,895,697,396	323,849,707,363
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7,820,545,218	12,744,602,798
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	18,372,245,382	9,768,650,601
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3,225,377,618)	(3,225,377,618)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		89,943,558,133	66,431,737,166
1. Hàng tồn kho	141	V.7	89,943,558,133	66,431,737,166
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25,685,737,764	46,965,702,952
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	657,684,460	620,422,664
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		25,023,833,910	45,931,244,336
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		4,219,394	414,035,952
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		461,430,093,681	478,600,927,598
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4,774,014,968	4,762,262,968
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	4,774,014,968	4,762,262,968
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		166,998,781,048	180,800,687,833
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	155,399,741,586	168,933,182,277
- Nguyên giá	222		383,772,193,704	378,939,406,026
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(228,372,452,118)	(210,006,223,749)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11,599,039,462	11,867,505,556
- Nguyên giá	228		14,978,937,376	14,978,937,376
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,379,897,914)	(3,111,431,820)
III. Bất động sản đầu tư	230		184,428,675,042	184,428,675,042
- Nguyên giá	231	V.11	184,428,675,042	184,428,675,042
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4,971,351,928	4,786,193,949
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	4,971,351,928	4,786,193,949
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		94,918,997,461	97,418,040,368
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	17,952,602,805	18,451,645,712
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	76,966,394,656	76,966,394,656
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	2,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5,338,273,234	6,405,067,438
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5,338,273,234	6,405,067,438
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,020,404,927,271	1,151,543,137,559

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		577,760,188,646	711,740,624,188
I. Nợ ngắn hạn	310		551,893,599,159	668,498,622,808
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	273,375,511,491	294,210,685,943
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2,435,113,861	2,495,933,109
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	74,985,068	2,861,148,971
4. Phải trả người lao động	314	V.17	8,179,674,169	10,654,967,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	3,406,463,001	5,553,302,907
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	5,422,734,188	5,933,586,528
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a,c	256,218,843,851	343,622,954,820
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	2,780,273,530	3,166,043,530
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		25,866,589,487	43,242,001,380
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	25,866,589,487	43,242,001,380
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b,c	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		442,644,738,625	439,802,513,371
I. Vốn chủ sở hữu	410		442,644,738,625	439,802,513,371
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	188,000,000,000	188,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188,000,000,000	188,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	17,957,399,540	17,957,399,540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	236,687,339,085	233,845,113,831
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		233,845,113,831	233,845,113,831
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2,842,225,254	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,020,404,927,271	1,151,543,137,559

Khánh Hòa, ngày 20... tháng 01 năm 2026


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập


Đặng Minh Tuấn
Kế toán trưởng


Ngô Tuấn Kiệt
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế phát sinh			
			Quý 4/2025	Quý 4/2024	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	176,597,050,811	221,674,336,043	697,956,961,358	943,033,590,234
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1,219,564,567	55,970,145	2,197,720,207	3,808,025,329
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		175,377,486,244	221,618,365,898	695,759,241,151	939,225,564,905
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	143,658,707,232	237,319,503,516	625,809,531,281	926,382,073,801
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31,718,779,012	(15,701,137,618)	69,949,709,870	12,843,491,104
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	27,711,472,312	94,311,092,938	68,568,269,219	118,743,599,517
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	15,948,937,699	8,537,129,546	60,204,507,830	48,846,352,380
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4,234,096,403	4,816,614,823	14,406,555,957	18,923,923,729
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	9,800,555,969	13,438,284,181	39,975,866,147	53,684,751,952
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8,871,887,800	12,947,693,654	34,812,745,660	38,038,740,635
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24,808,869,856	43,686,847,939	3,524,859,452	(8,982,754,346)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1,209,864,575	18,540,782,420	1,567,938,351	19,742,341,829
12. Chi phí khác	32	VI.9	2,131,487,978	4,501,520,110	2,250,572,549	4,839,632,672
13. Lợi nhuận khác	40		(921,623,403)	14,039,262,310	(682,634,198)	14,902,709,157
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23,887,246,453	57,726,110,249	2,842,225,254	5,919,954,811
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	2,795,645,312	-	2,795,645,312
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23,887,246,453	54,930,464,937	2,842,225,254	3,124,309,499
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,271	2,922	151	166
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1,271	2,922	151	166


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập


Đặng Minh Tuấn
Kế toán trưởng


Ngô Tuấn Kiệt
Chủ tịch HĐQT



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2,842,225,254	5,919,954,811
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,V.10	19,772,821,281	28,590,840,287
- Các khoản dự phòng	03		-	1,308,457,379
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	2,669,092,501	1,902,169,647
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14,350,891,362)	(99,975,824,863)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	14,406,555,957	18,923,923,729
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25,339,803,631	(43,330,479,010)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		26,637,991,248	53,411,450,443
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(23,511,820,967)	61,974,954,453
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(45,133,971,964)	110,610,636,304
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8a,b	1,016,385,424	7,951,444,299
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18,VI.4	(14,397,805,920)	(19,513,249,349)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,799,864,706)	(21,138,864,025)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(385,770,000)	(5,954,233,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(33,235,053,254)	144,011,660,115
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2,207,344,363)	(13,815,203,881)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		35,090,450,684	1,107,239,057
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,000,000,000	19,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		67,038,000,000	47,041,646,749
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5,VI.6	1,065,980,549	2,141,956,842
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		102,987,086,870	53,475,638,767

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	612,541,462,308	747,398,436,015
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(699,945,573,277)	(826,036,951,022)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(87,404,110,969)	(78,638,515,007)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(17,652,077,353)	118,848,783,875
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	195,207,186,699	75,798,249,657
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		727,317,969	560,153,167
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	178,282,427,315	195,207,186,699

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 01 năm 2026


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập
Đặng Minh Tuấn
Kế toán trưởng
Ngô Tuấn Kiệt
Chủ tịch HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Thủy sản NT có trụ sở chính tại Lô 7860 m² Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, xã Bình An, tỉnh An Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

Tại ngày đầu năm và ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 42.66%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Thủy sản F90 - F394	Số 01 Phước Long, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F17	Số 58B đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Cửa hàng Kinh doanh	Số 71 Phan Bội Châu, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Cửa hàng vật tư thủy sản	Số 05 Sinh Trung, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Quán cà phê 31024	310 đường 2/4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Vùng nuôi thủy sản công nghệ cao	Thôn Xuân Đông, xã Vạn Hưng, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Vùng nuôi thủy sản công nghệ cao Ninh Quang	Thôn Thuận Mỹ, xã Tân Định, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Trung tâm Thương mại - Du lịch Nha Trang Seafoods - F17	777 đường Lê Hồng Phong, phường Nam Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 744 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 979 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất, công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí đền bù và các chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (từ 45 năm đến 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi bắt động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	613,418,896	582,628,754
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	177,669,008,419	179,920,557,945
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống)	-	14,704,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	178,282,427,315	195,207,186,699

Các khoản tương đương tiền đầu năm của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.20a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	21,200,000,000	21,200,000,000	21,200,000,000	21,200,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	21,200,000,000	21,200,000,000	21,200,000,000	21,200,000,000
Dài hạn	-	-	2,000,000,000	2,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2,000,000,000	2,000,000,000
Cộng	21,200,000,000	21,200,000,000	23,200,000,000	23,200,000,000

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại các Ngân hàng được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.20a).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	17,952,602,805		18,451,645,712	
Công ty Cổ phần Thủy sản NT ⁽ⁱ⁾	17,952,602,805		18,451,645,712	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	76,966,394,656		76,966,394,656	
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ⁽ⁱⁱ⁾	54,796,231,365		54,796,231,365	
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	22,170,163,291		22,170,163,291	
Cộng	94,918,997,461		95,418,040,368	

(i) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 539,611 cổ phiếu, tương đương 42.66% vốn điều lệ của Công ty Công ty Cổ phần Thủy sản NT.

(ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 8,901,278 cổ phiếu, tương đương 14.17% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF.

(iii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 số tiền 22,170,163,291 VND, chiếm 6,3% vốn điều lệ thực góp.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Tình hình hoạt động của công ty liên kết*

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty nhận hàng ủy thác xuất khẩu	172,115,573,038	124,768,422,136
Mua hàng nội địa	26,080,233,782	52,701,050,781
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	1,680,685,181	1,258,009,703
Doanh thu bán vật tư, thành phẩm nội địa	51,323,000	20,231,481
Doanh thu cung cấp dịch vụ	261,789,917	308,680,814
Xuất trả hàng	1,158,681,640	-
Mua nguyên liệu	11,229,648,450	-
Mua vật tư	116,667,000	-
Phí vận chuyển quốc tế, hoa hồng môi giới hàng ủy thác xuất khẩu Công ty chi hộ	2,000,591,229	2,503,854,285

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã thế chấp 539,611 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản NT và 8,040,488 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.20a).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>81,486,249,064</i>	<i>134,640,897,653</i>
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	53,868,557,796	25,435,153,671
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	1,200,000	35,092,551,612
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng Nóng Nha Trang Seafoods F17	7,326,078,298	25,220,413,758
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89	19,257,574,205	12,091,435,048
Ông Ngô Tuấn Kiệt	-	36,200,000,000
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	383,312,445	30,439,380
Công ty Cổ phần Onsen	538,653,520	556,461,020
Công ty Cổ phần I Group	37,260,000	-
Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hoà	54,820,800	9,043,164
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa	18,792,000	5,400,000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>139,409,448,332</i>	<i>189,208,809,710</i>
Công ty NTSF Company, Inc	-	33,665,451,574
Công ty Seafood Connection B.V	29,720,818,246	45,004,532,379
Công ty NorthCoast Seafoods DK A/S	-	10,956,330,000
Các khách hàng khác	109,688,630,086	99,582,495,757
Cộng	220,895,697,396	323,849,707,363

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Toàn bộ khoản phải thu khách hàng (trừ khoản phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	5,416,159,408	5,416,159,408
Công ty Cổ Phần Onsen	5,416,159,408	5,416,159,408
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	2,404,385,810	7,328,443,390
Công ty TNHH Anh Phát	-	6,430,837,000
Công ty TNHH T+Architecture	1,120,111,757	-
Các nhà cung cấp khác	1,284,274,053	897,606,390
Cộng	7,820,545,218	12,744,602,798

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	14,026,095,902	-	4,138,788,823	-
Ông Trần Vĩnh Hưng - Tạm ứng	2,897,187,600	-	3,626,888,400	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF - Tiền chi trả hộ	428,378,328	-	428,378,328	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF - Tiền cổ tức lợi nhuận được chia	10,681,533,600	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF - Tiền chiết khấu bán hàng chi hộ	-	-	10,375,657	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NT - Tiền chiết khấu bán hàng chi hộ	-	-	17,413,909	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F89 - Tiền chiết khấu bán hàng chi hộ	18,996,374	-	55,732,529	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	4,346,149,480	-	5,629,861,778	-
Tạm ứng	2,689,407,346	-	4,102,430,752	-
Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi dự thu	72,766,028	-	180,345,908	-
Thuế TNCN còn phải thu	695,725,690	-	685,168,177	-
Ký quỹ, ký cược	330,000,000	-	15,000,000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	558,250,416	-	646,916,941	-
Cộng	18,372,245,382	-	9,768,650,601	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	4,774,014,968	-	4,762,262,968	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	4,500,000,000	-	4,500,000,000	-
- Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong ⁽ⁱⁱ⁾	150,000,000	-	150,000,000	-
- Quỹ Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	19,581,003	-	19,581,003	-
- Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	104,433,965	-	92,681,965	-
Cộng	4,774,014,968	-	4,762,262,968	-

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để ký quỹ thực hiện dự án đầu tư “Khu liên hợp Dịch vụ Du lịch – Thương mại và Trung tâm giới thiệu sản phẩm NTSF F17”. Tài khoản tiền gửi này đã bị phong tỏa.

(ii) Ký quỹ thực hiện dự án “Vùng nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao”.

(iii) Ký quỹ về phí cải tạo phục hồi môi trường, dự án Mỏ nước khoáng Hòn Thơm tại xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Aquatila - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1,789,517,009	-	Trên 3 năm	1,789,517,009	-
Công ty BK Food Sploka zoo - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1,153,062,500	-	Trên 3 năm	1,153,062,500	-
Phải thu tiền bán hàng – các khách hàng khác	Trên 3 năm	155,394,879	-	Trên 3 năm	155,394,879	-
Trả trước cho người bán	Trên 3 năm	127,403,230	-	Trên 3 năm	127,403,230	-
Cộng		3,225,377,618	-		3,225,377,618	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	3,225,377,618	1,916,920,239
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1,308,457,379
Số cuối kỳ	3,225,377,618	3,225,377,618

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5,462,240,597	-	9,547,598,642	-
Công cụ, dụng cụ	80,333,592	-	93,390,166	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở	781,825,392	-	947,138,629	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
dang				
Thành phẩm	83,612,110,202	-	55,739,565,700	-
Hàng hóa	7,048,350	-	104,044,029	-
Cộng	89,943,558,133	-	66,431,737,166	-

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.20a).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	382,402,043	343,340,809
Công cụ, dụng cụ	266,824,082	277,081,855
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	8,458,335	-
Cộng	657,684,460	620,422,664

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	3,546,626,359	3,643,614,115
Chi phí công cụ dụng cụ	607,177,283	1,016,567,516
Chi phí sửa chữa	948,673,399	1,305,804,384
Các chi phí trả trước dài hạn khác	235,796,193	439,081,423
Cộng	5,338,273,234	6,405,067,438

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	184,428,321,524	161,638,357,446	32,001,917,189	870,809,867	378,939,406,026
Mua trong kỳ	-	5,979,092,593	-	-	5,979,092,593
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	286,329,630	-	-	286,329,630
Thanh lý, nhượng bán	-	(434,000,000)	(998,634,545)	-	(1,432,634,545)
Số cuối kỳ	184,428,321,524	167,469,779,669	31,003,282,644	870,809,867	383,772,193,704
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	4,619,486,328	49,588,745,402	10,000,487,101	305,716,838	64,514,435,669
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	68,907,616,222	117,637,501,429	22,702,043,031	759,063,067	210,006,223,749
Khấu hao trong năm	12,244,986,217	4,976,543,043	2,348,353,835	44,242,920	19,614,126,015
Thanh lý, nhượng bán	-	(399,058,236)	(848,839,410)	-	(1,247,897,646)
Số cuối kỳ	81,152,602,439	122,214,986,236	24,201,557,456	803,305,987	228,372,452,118

Giá trị còn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	115,520,705,302	44,000,856,017	9,299,874,158	111,746,800	168,933,182,277
Số cuối kỳ	103,275,719,085	45,254,793,433	6,801,725,188	67,503,880	155,399,741,586
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 37,512,267,186 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	14,606,937,376	372,000,000	14,978,937,376
Số cuối kỳ	14,606,937,376	372,000,000	14,978,937,376
Trong đó:			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	372,000,000	372,000,000
Chờ thanh lý			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2,744,431,818	367,000,002	3,111,431,820
Khấu hao trong năm	263,466,096	4,999,998	268,466,094
Số cuối kỳ	3,007,897,914	372,000,000	3,379,897,914
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	11,862,505,558	4,999,998	11,867,505,556
Số cuối kỳ	11,599,039,462	-	11,599,039,462
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

11. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Là tòa nhà Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood - F17, phát sinh trong kỳ như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	184,428,675,042
Chi phí phát sinh trong năm	-
Số cuối kỳ	184,428,675,042

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	4,786,193,949	413,747,442	(286,329,630)	(4,500,000)	4,909,111,761
- Các công trình vùng nuôi	364,741,290	-	-	-	364,741,290
- Trạm biến áp T.349-630kVA	-	286,329,630	(286,329,630)	-	-
- Các công trình khác	4,421,452,659	127,417,812	-	(4,500,000)	4,544,370,471
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	62,240,167	-	-	62,240,167
Cộng	4,786,193,949	475,987,609	(286,329,630)	(4,500,000)	4,971,351,928

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Chi phí lãi vay ⁽ⁱ⁾	16,683,033,623	14,258,629,141
Lỗi tính thuế năm ⁽ⁱⁱ⁾	2,609,812,175	949,903,209
Cộng	19,292,845,798	15,208,532,350

- (i) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

Chi tiết chi phí lãi vay chưa được ghi nhận như sau:

	Số cuối kỳ
Năm 2022	7,274,469,946
Năm 2023	840,643,168
Năm 2024	6,143,516,027
Năm 2025	2,424,404,482
Cộng	16,683,033,623

- (ii) Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

Chi tiết các khoản lỗ tính thuế được chuyển sang bù trừ vào thu nhập các năm sau như sau:

	Số cuối kỳ
Năm 2024	949,903,209
Năm 2025	1,659,908,966
Cộng	2,609,812,175

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn****14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>265,701,732,892</i>	<i>286,245,164,230</i>
Công ty CP Thủy sản NTSF	91,157,752,626	133,194,217,466
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	147,715,271,558	109,777,235,874
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	26,482,064,708	43,273,090,890
Công ty Cổ phần I Group	340,200,000	-
Công ty Cổ phần Onsen	6,444,000	620,000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>7,673,778,599</i>	<i>7,965,521,713</i>
Công Ty TNHH Thủy Sản Lê Minh	1,130,106,600	-
Các nhà cung cấp khác	6,543,671,999	7,965,521,713
Cộng	273,375,511,491	294,210,685,943

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14b. Phải trả người bán dài hạn

Số cuối năm là khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF.

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Ally Sphere Food	1,841,316,837	847,048,316
Công ty Dun Yong Food Services B.V.	593,797,024	-
Công ty Sunny Seafood P/L	-	689,960,471
Các khách hàng khác	-	958,924,322
Cộng	2,435,113,861	2,495,933,109

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	214,242,580	(214,242,580)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,795,645,312	-	-	(2,799,864,706)	-	4,219,394
Thuế thu nhập cá nhân	62,821,659	-	635,285,526	(633,664,952)	64,442,233	-
Thuế tài nguyên	2,682,000	-	46,960,000	(46,447,600)	3,194,400	-
Tiền thuê đất	-	414,035,952	2,095,983,037	(1,681,947,085)	-	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	61,593,750	(61,593,750)	-	-
Thuế môn bài	-	-	10,000,000	(10,000,000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	28,667,223	(21,318,788)	7,348,435	-
Cộng	2,861,148,971	414,035,952	3,092,732,116	(5,469,079,461)	74,985,068	4,219,394

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thủy sản, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy sản, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Năm 2025, thuế suất giá trị gia tăng của các mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Riêng thu nhập từ hoạt động chế biến trong lĩnh vực thủy sản, Công ty áp dụng thuế suất 15% theo qui định tại Khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2016 Bổ sung Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 5.000 VND/m³ với mức thuế suất 8%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động cuối kỳ.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	1,722,438,080	2,068,147,000
Nhà máy F17	2,706,536,645	4,741,558,000
Nhà máy F90	3,156,514,248	3,242,721,000
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	-	277,993,000
Vùng nuôi	594,185,196	324,548,000
Cộng	8,179,674,169	10,654,967,000

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	249,285,147	-
Công ty Cổ phần I Group	249,285,147	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3,157,177,854	5,553,302,907
Chi phí hoa hồng môi giới phải trả	1,073,740,053	1,747,983,467
Chi phí lãi vay phải trả	732,629,655	723,879,618
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1,350,808,146	3,081,439,822
Cộng	3,406,463,001	5,553,302,907

19. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	5,422,734,188	5,933,586,528

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	3,987,260,874	4,577,196,716
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	336,588,420	336,588,420
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	505,000,000	360,000,000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	593,884,894	659,801,392
Cộng	5,422,734,188	5,933,586,528

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay ngắn hạn/dài hạn**20a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	146,701,956,577	199,423,953,906
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	109,516,887,274	115,451,191,235
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	16,659,494,370
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - CN Nha Trang ^(iv)	-	12,088,315,309
Cộng	256,218,843,851	343,622,954,820

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Các khoản vay ngắn hạn (có thời gian dưới 01 năm), mục đích để tài trợ vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, bảo lãnh, chiết khấu, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh tại các Công ty với lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể và theo từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng trong năm từ 4%/năm đến 5%/năm, bao gồm:

Ngân hàng	Hạn mức vay (tỷ đồng)	Tài sản đảm bảo
⁽ⁱ⁾ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	190	Tài sản cố định hữu hình, số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế, hàng tồn kho
⁽ⁱⁱ⁾ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang	50	Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế, hàng tồn kho, số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng.
⁽ⁱⁱⁱ⁾ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	350	Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, số dư tài khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế, hàng tồn kho, cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF và Công ty Cổ phần Thủy sản NT
^(iv) Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Nha Trang	50	Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế, hàng tồn kho

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	343,622,954,820

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số tiền vay phát sinh trong kỳ	612,541,462,308
Số tiền vay đã trả trong kỳ	<u>(699,945,573,277)</u>
Số cuối năm	<u>256,218,843,851</u>

Công ty không có khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	2,445,125,447	-	(116,550,000)	2,328,575,447
Quỹ phúc lợi	720,918,083	-	(269,220,000)	451,698,083
Cộng	<u>3,166,043,530</u>	<u>-</u>	<u>(385,770,000)</u>	<u>2,780,273,530</u>

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	188,000,000,000	17,957,399,540	230,720,804,332	436,678,203,872
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	3,124,309,499	3,124,309,499
Số dư cuối kỳ trước	<u>188,000,000,000</u>	<u>17,957,399,540</u>	<u>233,845,113,831</u>	<u>439,802,513,371</u>
Số dư đầu năm nay	188,000,000,000	17,957,399,540	233,845,113,831	439,802,513,371
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	2,842,225,254	2,842,225,254
Số dư cuối kỳ này	<u>188,000,000,000</u>	<u>17,957,399,540</u>	<u>236,687,339,085</u>	<u>442,644,738,625</u>

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, chi tiết cổ đông góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Ngô Tuấn Kiệt	123,304,170,000	123,304,170,000
Bà Đào Thị Minh Hương	18,800,000,000	18,800,000,000
Các cổ đông khác	45,895,830,000	45,895,830,000
Cộng	<u>188,000,000,000</u>	<u>188,000,000,000</u>

22c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18,800,000	18,800,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	18,800,000	18,800,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,800,000	18,800,000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	5,144,260.76	6,296,933.60
Euro (EUR)	4,173.29	427,063.92

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	166,805,954,817	213,727,295,523	677,073,861,873	921,330,968,905
Doanh thu bán hàng hóa	30,928,593	2,104,600,285	377,722,265	2,374,644,646
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9,760,167,401	5,842,440,235	20,505,377,220	19,327,976,683
Cộng	176,597,050,811	221,674,336,043	697,956,961,358	943,033,590,234

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chiết khấu thương mại	55,971,127	55,970,145	55,971,127	55,970,145
Hàng bán bị trả lại	1,163,593,440	-	2,141,749,080	3,752,055,184
Cộng	1,219,564,567	55,970,145	2,197,720,207	3,808,025,329

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	143,641,579,426	234,221,367,162	625,503,614,853	921,056,771,930
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14,087,065	1,925,480,211	293,997,910	2,102,112,186
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3,040,741	1,172,656,143	11,918,518	3,223,189,685
Cộng	143,658,707,232	237,319,503,516	625,809,531,281	926,382,073,801

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	212,399,243	304,077,385	958,400,669	1,744,006,859
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10,681,533,600	-	10,681,533,600	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	14,106,582,376	9,746,435,813	54,217,377,857	32,739,012,918
Lãi chuyển nhượng công ty con	-	21,145,465,325	-	21,145,465,325
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	2,710,957,093	-	2,710,957,093	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	63,115,114,415	-	63,115,114,415
Cộng	27,711,472,312	94,311,092,938	68,568,269,219	118,743,599,517

5. Chi phí tài chính

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí lãi vay	4,234,096,403	4,816,614,823	14,406,555,957	18,923,923,729
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	9,045,748,795	1,818,345,076	43,128,859,372	28,001,905,753
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2,669,092,501	1,902,169,647	2,669,092,501	1,902,169,647
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	-	-	18,353,251
Cộng	15,948,937,699	8,537,129,546	60,204,507,830	48,846,352,380

6. Chi phí bán hàng

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1,008,973,305	2,018,922,242	3,783,215,600	5,503,955,204
Chi phí vật liệu, dụng cụ	3,419,000	1,224,999	6,969,010	4,899,996
Chi phí khấu hao tài sản cố định	248,561,327	444,963,980	994,348,457	1,202,318,509
Chi phí điện, điện thoại	1,561,874,927	1,510,215,549	5,925,416,474	5,772,800,185
Chi phí vận chuyển quốc tế	1,517,260,989	1,884,342,759	6,937,115,759	13,198,511,044
Chi phí vận chuyển nội địa	1,753,667,267	2,644,038,618	7,381,916,446	8,862,829,461
Chi phí hoa hồng môi giới	1,046,646,227	1,377,419,913	4,553,792,090	5,840,498,975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,386,984,312	2,096,072,574	5,293,374,488	6,577,895,792
Các chi phí khác	1,273,168,615	1,461,083,547	5,099,717,823	6,721,042,786
Cộng	9,800,555,969	13,438,284,181	39,975,866,147	53,684,751,952

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3,529,084,089	4,295,584,216	13,865,778,805	16,307,927,323
Chi phí vật liệu, dụng cụ	68,514,709	62,913,962	254,601,753	324,932,075
Chi phí khấu hao tài sản cố định	497,332,545	585,185,316	2,092,188,153	2,362,012,329
Thuế, phí và lệ phí	1,138,917,008	3,975,939,385	2,296,584,474	5,928,152,549
Dự phòng trợ cấp thôi việc	304,582,250	1,390,510,379	1,965,712,750	1,698,955,879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102,797,080	112,905,446	445,718,069	484,241,506
Các chi phí khác	3,230,660,119	2,424,574,950	13,892,161,656	10,832,438,974
Cộng	8,871,887,800	12,947,693,654	34,812,745,660	38,038,740,635

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường Hai tháng tư, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	12,882,352,458	-	13,989,591,515
Thu nhập từ nghiệp vụ bán công cụ dụng cụ	-	5,429,344,914	-	5,429,344,914
Tiền hỗ trợ mua máy sản xuất	1,111,698,660		1,111,698,660	-
Tiền bồi thường	43,020,000		43,020,000	-
Thu nhập từ bán phế liệu vật tư	49,924,260	4,948,148	404,092,999	64,768,177
Các khoản thu nhập khác	5,221,655	224,136,900	9,126,692	258,637,223
Cộng	1,209,864,575	18,540,782,420	1,567,938,351	19,742,341,829

9. Chi phí khác

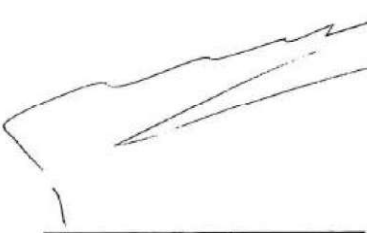
	Quý 4 Năm nay	Quý 4 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Lỗ thanh lý công cụ dụng cụ	-	4,333,470,810	-	4,333,470,810
Chi phí thiệt hại hàng LP trả về	-	-	-	19,276,347
Phạt vi phạm hành chính	500,000,000	-	500,000,000	86,500,000
Thuế bị phạt, bị truy thu, lãi chậm nộp thuế	7,463,014	-	18,704,335	27,558,256
Chi phí thiệt hại do bão lũ	1,492,237,185	-	1,492,237,185	-
Xử lý hàng hủy	-	279,300	-	43,797,930
Các khoản chi phí khác	131,787,779	167,770,000	239,631,029	329,029,329
Cộng	2,131,487,978	4,501,520,110	2,250,572,549	4,839,632,672

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 01 năm 2026


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập


Đặng Minh Tuấn
Kế toán trưởng


Ngô Tuấn Kiệt
Chủ tịch HĐQT

